TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Thu T, sinh năm 1994. ĐKTT: số 126/1, ấp AKB, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT. Hiện đang sinh sống tại ấp AT, xã AQ, huyện TP, tỉnh BT. (Xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số 126/1, ấp AKB, xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT. (Vắng mặt không có lí do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lý Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2013 chị và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AQ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/8/2013. Khi sống chung chị và anh T có các con chung Phan Nhật C, sinh ngày 05/10/2012 và Phan Hữu N, sinh ngày 27/12/2013. Cuộc sống hôn nhân của chị và anh T thời gian đây bất đồng quan điểm sống nên

xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng còn, vợ chồng đã sống ly thân nên chị yêu cầu ly hôn anh T. Về con chung: chị yêu cầu được nuôi con chung Phan Nhật C, sinh ngày 05/10/2012 và Phan Hữu N, sinh ngày 27/12/2013 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phan Văn T trình bày :

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn, con chung như chị T trình bày là đúng, anh và chị T có mâu thuẫn trong cuộc sống nên hiện tại cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh chấp nhận ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi các con chung Phan Nhật C, sinh ngày 05/10/2012 và đồng ý giao con chung Phan Hữu N, sinh ngày 27/12/2013 cho chị T nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyế

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tùng được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T. Ông bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết;

Về con chung: giao hai cháu Phan Nhật C, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 27/12/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T được thăm nom, chăm sóc hai cháu. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội

đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lý Thị Thu T yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Văn T nên căn cứ vào điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn".

[2] Anh Phan Văn T hiện đang cư trú tại xã AĐ, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Xét việc anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lý Thị Thu T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Qui, huyện Thạnh Phú, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 29/8/2013. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T đã trải qua khoảng thời gần đây mất hạnh phúc từ việc do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Nên tình cảm vợ chồng không còn, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không đầy đủ, các phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, quá trình tố tụng anh Tùng trình bày anh thừa nhận anh và chị T có mâu thuẫn trong cuộc sống nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn chị T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thảo là phù hợp.

[5] Về con chung: Cháu Phan Nhật C, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 27/12/2013 hiện đang sống cùng chị T và chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu C và giao cháu N cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Theo biên bản xác

minh và biên bản lấy ý kiến con chung, hiện tại hai cháu C và N đang sinh sống cùng chị T tại ấp AT, xã AQ, huyện TP và đều được đi học, hai cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị T nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần của hai cháu nên giao hai cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh T được thăm nom, chăm sóc mà không ai được ngăn cản. Đồng thời ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị Thảo không yêu cầu

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh T cùng trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị T và anh T cùng trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chị T phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị Thu T. Chị T được ly hôn với anh Phan Văn T.

Chị Lý Thị Thu T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị Lý Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Nhật C, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Phan Hữu N, sinh ngày 27/12/2013 (theo nguyện vọng của cháu C và cháu N) và ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị T và anh T có thể yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T cùng trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh T cùng trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lý Thị Thu T phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003630 ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Qui;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thúy